

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 148/2020/DS-PT

Ngày: 11-6-2020

V/v tranh chấp: “Hợp đồng vay”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diệp Thúy

Các Thẩm phán: Ông Phan Văn Huyện

Bà Trần Thị Kim Em.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đoàn Quốc Nam - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:
Bà Từ Thị Kỳ - Kiểm sát viên.

Trong ngày 11 tháng 6 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 215/2020/TLPT-DS ngày 30 tháng 3 năm 2020 về tranh chấp “Hợp đồng vay”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 230/2019/DS-ST ngày 11 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 110/2020/QĐ-PT ngày 02 tháng 3 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1969 (Có mặt);

Địa chỉ: Ấp Y, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

- Bị đơn:

1/ Ông Thái Văn C, sinh năm 1951 (Có mặt);

2/ Bà Hồ Thị T, sinh năm 1947 (Vắng mặt);

Cùng địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Anh Hồ Hoàng D, sinh năm 1968 (Có mặt);

2/ Chị Nguyễn Thị Mỹ T1, sinh năm 1969 (vắng mặt);

Cùng địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

- Người kháng cáo: Bị đơn ông Thái Văn C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm;

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:

Vào ngày 18/11/2015 âm lịch, ông C và bà T có vay của chị số tiền 40.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất 02%/tháng thỏa thuận miệng, thời hạn vay là 06 tháng, hai bên có làm giấy tay vay tiền. Sau khi vay tiền ông C, bà T trả lãi cho chị đầy đủ trong 06 tháng, mỗi tháng trả 1.000.000 đồng trong đó có 800.000 đồng khoản vay 40.000.000 đồng mà ông C, bà T vay và 200.000 đồng khoản vay 10.000.000 đồng mà chị Nguyễn Thị Mỹ T1 (con dâu của ông C, bà T) đã vay. Đến hạn trả nợ ông C, bà T không trả vốn mà tiếp tục trả lãi trong 03 tháng thì ngưng không trả lãi. Đến ngày 18/01/2017 âm lịch chị Hồ Ngọc T (cháu nội của ông C, bà T) có trả cho chị số tiền lãi là 5.000.000 đồng tiền lãi; đến ngày 26/5/2018 âm lịch anh Hồ Hoàng D (con trai của ông C, bà T) có trả cho chị 4.000.000 đồng tiền lãi; ngày 04/9/2018 âm lịch anh D trả tiếp 3.000.000 đồng tiền lãi thì ngưng cho đến nay. Tổng số tiền lãi chị đã nhận là 19.200.000 đồng. Chị hoàn toàn không có nhận số tiền 32.000.000 đồng như anh D, chị T1 trình bày và chị chưa bao giờ đồng ý cho ông C, bà T trả tiền vốn mà không trả lãi đối với số tiền vay 40.000.000 đồng. Đối với số tiền 10.000.000 đồng mà chị T1 trả cho chị vào tháng 12/2017 âm lịch là chị T1 trả cho chị khoản vay mà chị T1 đã vay trước đó (chị không nhớ cụ thể thời gian vay), nhưng chị T1 đã trả xong số tiền 20.000.000 đồng vào khoảng tháng 02/2016 âm lịch, sau đó chị T1 đã trả xong số tiền 20.000.000 đồng nên chị đã trả lại cho chị T1 biên nhận nợ. Đối với số tiền 5.000.000 đồng mà chị T1 trình bày đã trả cho chị là hoàn toàn không có vì chị T1 còn vay của chị số tiền 51.650.000 đồng vào ngày 18/4/2018 âm lịch nhưng cho đến nay chị T1 vẫn chưa trả, số tiền này chị không yêu cầu giải quyết trong vụ kiện này.

Hiện nay ông C, bà T còn nợ chị số tiền vốn là 40.000.000 đồng. Nay chị khởi kiện yêu cầu ông C, bà T trả số tiền vốn 40.000.000 đồng và trả lãi đối với số tiền trên theo mức lãi suất 01%/tháng, tính từ này 18/11/2017 cho đến khi Tòa án xét xử.

Khi vay tiền ông C, bà T có cầm cố cho chị 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (bản chính) đối với phần đất diện tích 628,9m², đất tọa lạc ấp Bình Hưng, xã Thành Công, huyện G, tỉnh Tiền Giang. Khi ông C, bà T trả xong nợ cho chị thì chị đồng ý trả lại cho ông C, bà T giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên.

Tại phiên tòa sơ thẩm, do ông C đồng ý trả số tiền vốn 40.000.000 đồng nên chị T không yêu cầu ông C trả lãi đối với khoản tiền này, yêu cầu ông C và bà T trả số tiền trên ngay khi án có hiệu lực pháp luật. Khi ông C, bà T trả xong tiền cho chị thì chị sẽ trả lại bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông C, bà T.

Bị đơn ông Thái Văn C trình bày:

Vào năm 2017, do ông bị bệnh nặng cần tiền điều trị nên ông và bà T có vay của chị T số tiền 40.000.000 đồng và có cầm cố cho chị T 01 bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, lãi suất 2,5%/tháng. Ông đã đóng lãi đầy đủ cho

chị T trong năm 2017. Năm 2018, do hoàn cảnh gia đình khó khăn nên có xin chị T cho trả vốn và trong năm 2018 gia đình ông đã trả được 32.000.000 đồng tiền vốn cho chị T. Nay ông C yêu cầu căn trừ số tiền 32.000.000 đồng tiền vốn vào số tiền 40.000.000 đồng mà chị T yêu cầu, số tiền còn lại ông sẽ trả cho chị T.

Tại phiên tòa sơ thẩm, ông C đồng ý trả cho chị T số tiền vốn 40.000.000 đồng, còn tiền lãi thì chị T không yêu cầu ông trả, ông xin được trả dần số tiền vốn nêu trên mỗi tháng 500.000 đồng cho đến khi trả xong nợ, nếu thời gian trả dần kéo dài thì ông đồng ý trả thêm tiền lãi cho chị T theo quy định pháp luật. Ông C không yêu cầu Tòa án xem xét căn trừ số tiền đã trả vào tiền vốn còn nợ chị T

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Hồ Hoàng D trình bày:

Sau khi ông C, bà T vay số tiền 40.000.000 đồng của chị T thì gia đình anh gồm anh, chị T1 (vợ của anh) và con của anh là người trực tiếp trả tiền lãi và tiền vốn cho chị T, tiền lãi trả hàng tháng với lãi suất 2,5%/tháng. Từ khi vay là ngày 18/11/2015 âm lịch cho đến tháng 12/2016 âm lịch thì hàng tháng gia đình anh đều trả lãi đầy đủ với số tiền 1.000.000 đồng. Đến đầu năm 2018 gia đình xin chị T cho trả vốn nhưng chị T không đồng ý. Sau đó gia đình đã trả cho chị T số tiền 32.000.000 đồng cụ thể: Ngày 20/11/2017 âm lịch chị Thanh trả 10.000.000 đồng, ngày 16/01/2018 âm lịch chị T1 trả 5.000.000 đồng, tháng 3/2018 cháu T trả 5.000.000 đồng, tháng 5/2018 âm lịch anh đã trả 4.000.000 đồng, tháng 9/2018 âm lịch anh trả 3.000.000 đồng, tháng 12/2018 âm lịch chị T1 trả 5.000.000 đồng. Khi trả tiền thì hai bên không làm biên nhận và cũng không thỏa thuận lại số tiền vốn còn nợ. Hiện nay ông C, bà T chỉ còn nợ lại chị T số tiền vốn là 8.000.000 đồng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Mỹ T1 trình bày:

Chị thống nhất các lần chị trả tiền cho chị T đúng như lời trình bày của anh Dũng. Chị hoàn toàn không vay số tiền 20.000.000 đồng vào tháng 02/2016 như chị T trình bày và chị hoàn toàn không có vay số tiền 51.650.000 đồng theo biên nhận ngày 18/4/2018 âm lịch. Biên nhận ngày 18/4/2018 âm lịch là do chị viết và ký nhưng chị ký nhận nợ số tiền 40.000.000 đồng mà ông C, bà T vay cùng với số tiền mua bán bảo hiểm là 11.650.000 đồng. Khi chị viết và ký nhận nợ số tiền 51.650.000 đồng giữa chị và chị T không thỏa thuận hủy bỏ biên nhận nợ mà ông C, bà T đã ký và cũng không thỏa thuận căn trừ số tiền 15.000.000 đồng mà chị đã trả cho chị T vào ngày 20/12/2017 âm lịch và ngày 16/01/2018 âm lịch.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 230/2019/DS-ST ngày 11 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Tiền Giang đã quyết định áp dụng: Các điều 227, 228 và 244 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463 và Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội,

Xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T đối với ông Thái Văn C và bà Hồ Thị T.

Buộc ông C và bà T có nghĩa vụ liên đới trả cho chị T số tiền 40.000.000 đồng, thực hiện trả ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

2/ Đình chỉ yêu cầu phản tố của ông C yêu cầu cản trừ số tiền 32.000.000 đồng vào số tiền vốn 40.000.000 đồng mà ông đã vay của chị T.

3/ Ghi nhận sự tự nguyện của chị T đồng ý trả bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ CH00354 do Ủy ban nhân dân huyện G cấp cho ông C, bà T đối với thửa đất số 330, tờ bản đồ số 8, diện tích 628,9m² đất tại ấp B, xã T, huyện G cho ông C, bà T. Thực hiện trả ngay khi án có hiệu lực pháp luật

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, nghĩa vụ chậm thi hành án và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 12/11/2019, bị đơn Thái Văn C có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm cho ông được trả dần nợ và xem xét đối với số tiền mà ông đã trả cho bà T là 29.000.000 đồng.

Tại phiên tòa bị đơn ông Thái Văn C vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và trình bày: Trong thời gian vay tiền của chị T thì con ông và cháu của ông có trả cho chị T được số tiền 29.000.000 đồng tiền vốn nên đề nghị xem xét trừ số tiền trên vào tiền nợ 40.000.000 đồng.

Hai bên đương sự không thỏa thuận được về việc giải quyết vụ án.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật của người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng, chấp hành đúng qui định của pháp luật về tố tụng tại tòa án cấp phúc thẩm.

Về nội dung: Tại phiên tòa phúc thẩm ông Thái Văn C không cung cấp được chứng cứ chứng minh có trả cho chị T số tiền 29.000.000 đồng. Nên không có C sở để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Thái Văn C. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn, giữ y án sơ thẩm.

Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa lời trình bày của các đương sự, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bị đơn ông Thái Văn C thực hiện đúng qui định theo Điều 272 Bộ luật tố tụng dân sự, thời hạn kháng cáo đúng qui định Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan hệ tranh chấp: Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” theo qui định tại Điều 463 Bộ luật dân sự là đúng qui định.

[2] Về nội dung: Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ có cơ sở xác định vào ngày 18/11/2015 chị Nguyễn Thị T có cho ông Thái Văn C, bà Hồ Thị T vay số tiền 40.000.000 đồng, thỏa thuận lãi 2%/tháng, thỏa thuận thời hạn trả nợ 06 tháng, việc vay tiền có làm giấy nợ. Chứng cứ chứng minh của nguyên đơn là biên nhận nợ ngày 18/11/2015 có chữ ký của ông C, bà T, anh Dũng. Phía bị đơn thừa nhận chữ ký của ông C, bà T và anh Dũng trong biên nhận ngày

18/11/2015. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ biên nhận do nguyên đơn cung cấp để xác định ông Thái Văn C, bà Hồ Thị T có nợ chị Nguyễn Thị T số tiền 40.000.000 đồng là có căn cứ.

Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Thái Văn C không đồng ý trả số tiền 40.000.000 đồng vì ông đã trả số tiền vốn cho chị T được 29.000.000 đồng.

Quá trình xem xét đánh giá hợp đồng vay ngày 18/11/2015 giữa chị Nguyễn Thị T và ông Thái Văn C thấy rằng:

Việc vay tiền giữa chị Nguyễn Thị T và ông Thái Văn C, bà Hồ Thị T được thực hiện từ năm 2015. Sau khi vay thì ông C có đóng lãi cho chị T đầy đủ 09 tháng, sau đó thì ngưng đóng lãi. Từ tháng 11/2017 đến tháng 12/2018 con và cháu ông C có trả cho chị T số tiền 32.000.000 đồng trong đó có 3.000.000 đồng tiền lãi. Phía nguyên đơn chị T không thừa nhận ông C có trả vốn cho chị mà chị chỉ nhận tiền lãi từ ông C là 19.200.000 đồng, không có nhận tiền vốn và ông C cũng không có chứng cứ chứng minh đã trả số tiền 29.000.000 đồng cho chị T. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông C yêu cầu cho ông được trả dần mỗi tháng 2.000.000 đồng đối với số tiền ông còn thiếu chị T cho đến khi hết nợ nhưng không được chị T đồng ý nên không có C sở để Hội đồng xét xử chấp nhận.

Từ những phân tích trên, xét yêu cầu kháng cáo của ông C là không có cơ sở nên Hội đồng xét xử không chấp nhận. Quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên được chấp nhận.

Về án phí: Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 qui định: “Những trường hợp sau đây được miễn nộp tiền tạm ứng án phí, án phí...đ/ Trẻ em, cá nhân thuộc hộ nghèo, cận nghèo, người cao tuổi...” Đối chiếu với qui định trên thì ông C, bà T là người cao tuổi nên thuộc đối tượng được miễn án phí theo điều luật đã viện dẫn trên.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 227, khoản 1 Điều 288, Điều 463, Điều 466, khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Thái Văn C. Sửa bản án sơ thẩm số 230/2019/DSST ngày 11/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Tiền Giang.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T đối với ông Thái Văn C và bà Hồ Thị T.

Buộc ông C và bà T có nghĩa vụ liên đới trả cho chị T số tiền 40.000.000 đồng, thực hiện trả khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày chị T có đơn yêu cầu thi hành án nếu ông C, bà T chậm trả số tiền nêu trên thì ông C, bà T phải trả thêm tiền lãi theo quy định tại khoản 2

Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành án.

2. Đình chỉ yêu cầu phản tố của ông Thái Văn C yêu cầu cản trừ số tiền 32.000.000 đồng vào số tiền vốn 40.000.000 đồng mà ông đã vay của chị T.

3. Ghi nhận sự tự nguyện của chị T đồng ý trả bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ CH00354 do Ủy ban nhân dân huyện G cấp cho ông C, bà T đối với thửa đất số 330, tờ bản đồ số 8, diện tích 628,9m² đất tại ấp Bình Hưng, xã Thành Công, huyện G cho ông C, bà T. Thực hiện trả ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

4. Về án phí: Miễn án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm cho ông Thái Văn C. Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bà Hồ Thị T.

Hoàn lại chị T số tiền 1.140.000 đồng tạm ứng án phí chị đã nộp theo biên lai thu số 39892 ngày 05/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Tiền Giang.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện G;
- Chi cục THADS huyện G ;
- Đăng công thông tin điện tử;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Diệp Thúy